

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 823/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2018.

V/v Ly hôn giữa ông T và bà Ch

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy- Kiểm sát viên

Trong ngày **15 tháng 11 năm 2018**, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2018, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 441/2018/QĐSTXX-HNGĐ ngày 04/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 213/2018/QĐST- HNGĐ ngày 25/10/2018, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1968.

Thường trú: Số A Khu H đường Tr, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐCLL: Số B đường H, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm: 1969;

Thường trú: xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: Số B đường H, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà Nguyễn Thị Kim Ch vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Kim Ch tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 07/3/1994 (bản chính đã thất lạc)

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng cũng hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến và đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay. Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Kim Ch nhiều lần muốn hàn gắn nhưng không được. Ông Nguyễn Hữu T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Ch.

- Về con chung: 01 con chung, tên Nguyễn Vĩ L, sinh ngày 21/12/1993 đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T tự khai không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ch vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Kim Ch đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ch vắng mặt. Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: có 01 con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Hữu T tự khai không có nên không xem xét, đề nghị Tòa án xét xử ly hôn vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm Bản tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, khai chứng cứ và hòa giải; xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Kim Ch tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 07/3/1994 tại Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh) nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Nhưng theo lời khai của ông Nguyễn Hữu T thì trong quá trình chung sống, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Kim Ch phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được, dẫn đến việc ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Kim Ch không còn chung sống với cùng nhau từ năm 2000 cho đến nay. Cho thấy mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Kim Ch đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài.

Theo kết quả xác minh ngày 29/6/2018, Công an phường B, Quận S trả lời như sau: “Đương sự Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1969, từ năm 2008 có tạm trú tại Số B đường H, Phường B, Quận S cho đến nay. Hiện còn thực tế cư ngụ tại địa phương”, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ch đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim Ch có mặt tại địa phương nhưng cố tình không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Kim Ch không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Ch là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 01 con chung, tên Nguyễn Vĩ L, sinh ngày 21/12/1993 con đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Ch

- Về con chung: có 01 con chung, tên Nguyễn Vĩ L, sinh ngày 21/12/1993 con đã trưởng thành.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T tự khai không có

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Hữu T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0029423 ngày 19/6/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6. Ông Nguyễn Hữu T đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Bảy